

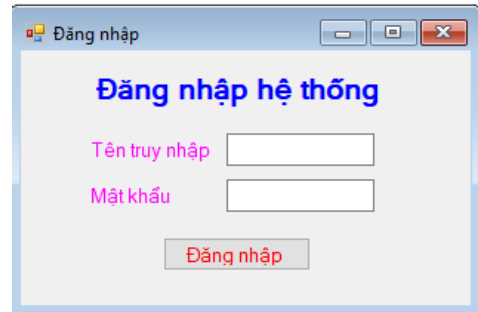
## BÀI THỰC HÀNH 6

### Nội dung:

- Một số lớp trong .Net
- Windows Form

**Bài 6.1.** Thiết kế giao diện gồm 3 label, 2 textbox, 1 button và viết mã lệnh theo mô tả sau:

- Nhập dữ liệu vào các textbox và Click “**Đăng nhập**” thì chương trình kiểm tra tên truy nhập và mật khẩu có đúng không? Nếu đúng thì đóng form; Nếu không đúng thì hiển thị thông báo “Đăng nhập không thành công!”.



**Bài 6.2.** Thiết kế giao diện gồm 4 label, 2 textbox, 4 button, 1picturebox, 1 DataGridView như Hình 1 và viết mã lệnh để:

- Khi hiển thị form sẽ lấy dữ liệu từ tập tin “Student.txt” (Hình 2) đưa vào list<SinhVien> để hiển thị trên DataGridView.

- Click vào picturebox sẽ hiển thị hộp thoại Open cho phép chọn hình ảnh của sinh viên từ file đã lưu trữ trên máy. (Hình 3)

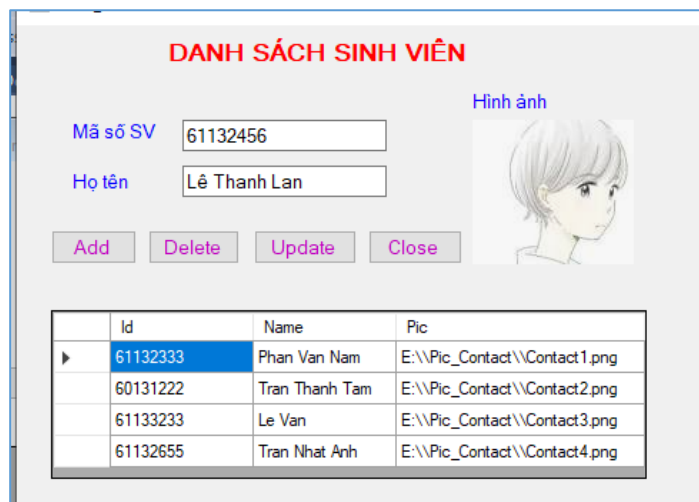
- Nhập dữ liệu vào các textbox và Click “Add” sẽ thêm một sinh viên vào list<SinhVien> và cập nhật dữ liệu trong DataGridView.

- Nhập mã số sinh viên vào textbox và Click “Delete” sẽ xóa một sinh viên đó khỏi list<SinhVien> và cập nhật dữ liệu trong DataGridView.

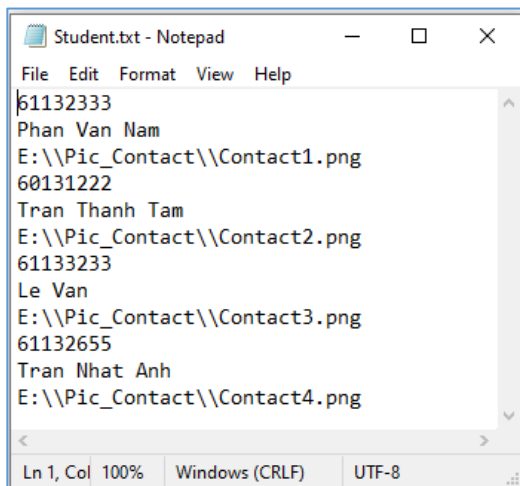
- Nhập mã số sinh viên vào textbox và Click “Update” sẽ cập nhật thông tin sinh viên đó từ các textbox vào list<SinhVien> và cập nhật dữ liệu trong DataGridView.

- Click “Close” sẽ ghi dữ liệu có trong DataGridView vào file.

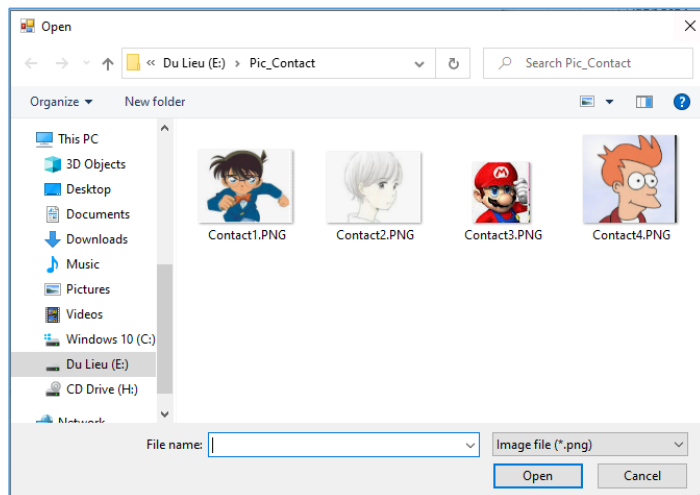
Biết mỗi đối tượng SinhVien gồm các thuộc tính: mã số, họ tên, đường dẫn tới file hình ảnh đại diện.



Hình 1



Hình 1



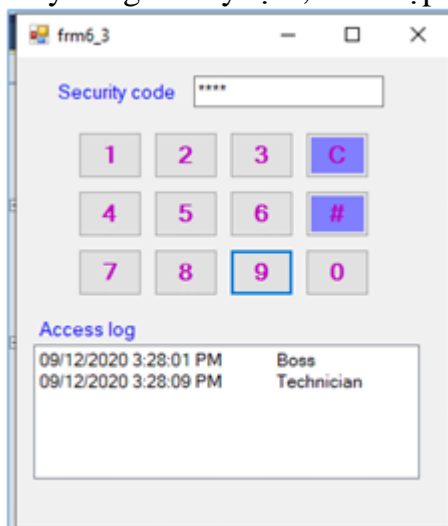
Hình 3

**Bài 6.3.** Thiết kế giao diện gồm 2 label, 1 textbox, 12 button, 1 listbox như hình dưới để mô phỏng thiết bị Security Panel đặt ngoài cửa một phòng Lab. Phòng Lab chỉ cho các cá nhân có nhiệm vụ liên quan được vào Lab, và mỗi lần vào Lab họ phải nhập security code đã được cấp sẵn hay còn gọi là access code.

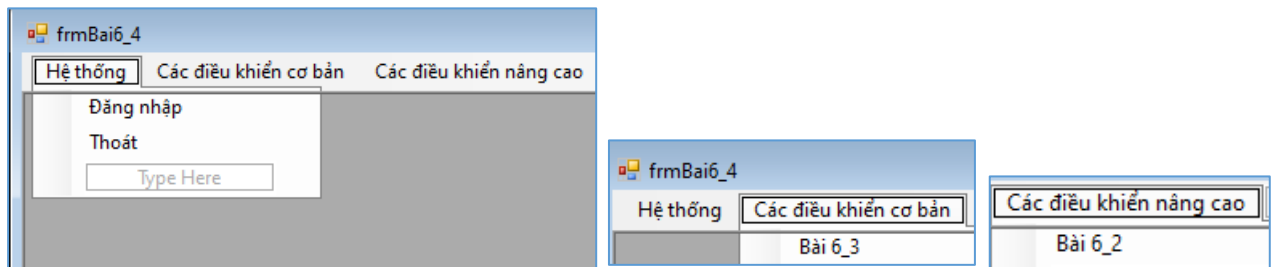
Các access code sau đây là hợp lệ:

- Technician: 4361
- Scientist: 6372
- Employee: 9652 hoặc 9843
- Boss: 1020

Khi người vào nhấn access code xong, Click vào “#” ứng dụng sẽ kiểm tra code có hợp lệ không? Nếu hợp lệ thì hiển thị thông tin thời gian và đối tượng vào Lab trong khung listbox bên dưới. Trong khi nhấn thì số ký tự nhấn sẽ được hiện lên textbox “security code” được thay bằng các ký tự \*, khi nhập sai có thể nhấn “C” để xóa ký tự sau cùng.



**Bài 6.4.** Thiết kế giao diện dạng form Multiple có menu như hình dưới và viết mã lệnh để:



- Click mục “**Đăng nhập**” trong menu sẽ mở form Bài tập 6\_1.
- Click mục “**Thoát**” trong menu sẽ thoát khỏi ứng dụng.
- Click mục “**Bài 6\_2**” trong menu sẽ mở form Bài tập 6\_2.
- Click mục “**Bài 6\_3**” trong menu sẽ mở form Bài tập 6\_3.